

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1/QĐ-BNNMT ngày 02 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 04/QĐ-BNNMT ngày 05 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 69/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

1. Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự 04 Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 750/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục chuẩn hóa thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

2. Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự 01 và số thứ tự số 05 Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang;

3. Bãi bỏ nội dung quy định tại số thứ tự 01 Mục 1 Phần II; số thứ tự 02, số thứ tự 05 Mục 2; số thứ tự 01 Mục 3 Phần II Phụ lục kèm theo Quyết định số 413/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường;

4. Bãi bỏ thủ tục hành chính tại số thứ tự 02 Mục A Phụ lục kèm theo Quyết định số 1118/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này xây dựng quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính;

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan công khai thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này cung cấp, tích hợp lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC - BTP;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Phong

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH AN GIANG**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	Không	Điều 14 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	3.000198	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	14 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô	Khoản 7 Điều 6 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống; - Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với hoạt động bình tuyển, công nhận do cơ quan địa phương thực hiện.	nghiệp và Môi trường
2	3.000179	Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây	04 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ;	Không	Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT- NNMT ngày 31/12/2025 của

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		trồng lâm nghiệp		- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.		Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
3	1.007916	Nộp tiền trồng rừng thay thế	18 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	Không	Điều 11 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
4	1.000045	Xác nhận bảng kê lâm sản	- 02 ngày làm việc (trường hợp không phải xác minh). - 03 ngày làm việc (trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản).	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang;	Không	Khoản 2 Điều 20 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- 04 ngày làm việc (trường hợp cần xác minh nguồn gốc lâm sản mà có nhiều nội dung phức tạp).	- Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.		
5	1.008672	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	18 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	Không	Điều 10 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường
6	1.004819	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	- 03 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ hợp lệ). - 15 ngày làm việc (trường hợp cần kiểm tra thực tế). - 24 ngày làm việc (trường hợp nuôi, trồng loài động vật,	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu	Không	Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu). - 09 ngày làm việc (trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam).	chính.		
7	3.000496	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	- 03 ngày làm việc (trường hợp hồ sơ hợp lệ). - 15 ngày làm việc (trường hợp cần kiểm tra thực tế). - 24 ngày làm việc (trường hợp nuôi, trồng loài động vật, thực vật hoang dã thuộc Phụ lục I Công	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn ; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	Không	Điều 26 Thông tư số 85/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

STT	Mã TTHC	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung (tên mới)	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			ước CITES vì mục đích thương mại trong nước và xuất khẩu). - 09 ngày làm việc (trường hợp nuôi, trồng các loài thuộc Phụ lục Công ước CITES không có phân bố tự nhiên tại Việt Nam và lần đầu tiên đăng ký nuôi, trồng tại Việt Nam).			

3. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	3.000180	Cấp lại giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng	03 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ dichvucong.gov.vn; - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang; - Nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính.	Không	Khoản 8 Điều 9 Thông tư số 84/2025/TT-BNNMT ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường